TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/DSST
Ngày 27-6-2019
V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Miện
Ông Đặng Ngọc Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa**: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Vũng Tàu xét xử vụ án Dân sự thụ lý số 68/2019/DSST ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc:"*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐ - XX ngày 17 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Ngọc H - sinh năm:1985

Địa chỉ: 828/20/44- đường NB, phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị T - sinh năm 1989

Địa chỉ: 828/20/37- đường NB, phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Vũ Trọng C - sinh năm 1978

Địa chỉ: 828/20/44- đường NB, phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15-3-2019 và qua quá trình làm việc tại Tòa chị Vũ Ngọc Hạnh trình bày:

Do là chỗ quen biết cùng xóm nên ngày 15 -7 -2017 chị H cho chị T vay số tiền 40.000.000đ(Bốn mươi triệu đồng). Hình thức giao nhận chuyển qua tài khoản của em chị Hậu tên là Võ Minh Cảnh. Mục đích chị Hậu vay để lo ma chay cho anh trai ở quê mất do bão.

Chị H đòi nhiều lần nhưng chị T không trả nên đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu với yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị Trần Thị T cùng chồng là Vũ Minh K trả số nợ cho vợ chồng chị Hạnh là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi. Nhưng sau đó nguyên đơn chị H thay đổi ý kiến rút một phần yêu cầu khởi kiện, nay chị H chỉ yêu cầu chị T, không yêu cầu anh K trả nợ.

(Chứng cứ chị H khởi kiện là sao kê của ngân hàng VietcomBank ngày 13 -9 -2017).

Bị đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị Txác nhận có vay của chị Vũ Ngọc H 40.000.000đ(Bốn mươi triệu đồng) , bằng hình thức chuyển khoản vì chị T về quê có việc. Sau khi vào Vũng Tàu chị T đã trả chị H số tiền trên, khi vay không làm giấy tờ nên khi trả cũng không làm giấy tờ. Chị T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

Ngày 21 - 5 - 2019 Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn chị Trần Thị T xác nhận có vay của nguyên đơn chị H 40.000.000đ(Bốn mươi triệu đồng) và đồng ý trả chị H. Chị T cho rằng số tiền chị T vay không liên quan gì đến chồng là anh Vũ Minh K.

Anh Vũ Minh K trình bày: Anh K xác nhận việc vợ anh có vay của chị H xảy ra cách đây hai năm lúc đó anh K đi làm ăn xa nên không nắm rõ vấn đề vay cũng như trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại Tòa; Nhận định của Tòa án:

[1]Về tố tụng: Năm 2017 giữa nguyên đơn chị Vũ Ngọc H và bị đơn chị Trần Thị T có xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng vay tài sản. Chị H có cho chị T vay số tiền là 40.000.000đ(Bốn mươi triệu đồng), phương thức giao nhận là chuyển tiền qua tài khoản, nay có sự tranh chấp nên xác định đây là vụ án dân sự "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"; Căn cứ điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Trần Thị T có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại thành phố Vũng Tàu; Căn cứ điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phốVũng Tàu.

Do vụ án không thu thập chứng cứ quy định theo khoản 2 điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu không tham gia.

[2]Về nội dung: Do có mối quan hệ cùng khu phố nên ngày 15 -7 - 2017 chị Vũ Ngọc Hạnh có cho chị Trần Thị T mượn số tiền là 40.000.000đ(Bốn mươi triệu đồng), chị Hậu không trả nợ nên nguyên đơn chị Hạnh đã khởi kiện ra Tòa.

[3]Về chứng cứ: Phía nguyên đơn cung cấp là sao kê của ngân hàng VietcomBank ngày 13 - 9 -2017 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21- 5 - 2019, bị đơn chị Trần Thị T xác nhận có vay của nguyên đơn chị H 40.000.000đ(Bốn mươi triệu đồng) và đồng ý trả chị H; Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành nhưng sau đó bị đơn chị T có đơn thay đổi ý kiến.

Nhận định; Quá trình Tòa án giải quyết vụ án giữa nguyên đơn chị H và bị đơn chị T đã thừa nhận khoản tiền cho vay và khoản tiền vay; Xét thấy đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên Tòa hôm nay bị đơn chị Trần Thị T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho rằng số nợ đã trả nhưng bị đơn chị T không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc đã trả nguyên đơn chị Vũ Ngọc H số tiền đã vay 40.000.000đ(Bốn mươi triệu đồng) do đó không có căn cứ để xem xét.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn chị Vũ Ngọc H giữ nguyên ý kiến rút yêu cầu đối với bị đơn anh Vũ Minh K là chồng chị T phải liên đới trả nợ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Trọng C, chồng chị H đồng ý với việc rút yêu cầu của chị H đối với anh K; Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, đúng pháp luật xét chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]Từ những chứng cứ trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định: Giữa nguyên đơn chị Vũ Ngọc H và bị đơn chị Trần Thị T có xác lập giao dịch dân sự Hợp đồng vay tài sản vào ngày 15 - 9 - 2017. Bị đơn chị Trần Thị T có vay của chị Vũ Ngọc H số tiền 40.000.000đ(Bốn mươi triệu đồng) là có thật; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Trần Thị T có nghĩa vụ phải trả nguyên đơn chị Vũ Ngọc H và anh Vũ Trọng C số nợ 40.000.000đ(Bốn mươi triệu đồng); Căn cứ các điều 463,điều 466 Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Căn cứ khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ đối với yêu cầu buộc anh Vũ Minh K phải trả nợ của nguyên đơn.

[6]Về án phí DSST: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Ngọc H nên bị đơn chị Trần Thị T phải chịu toàn bộ án phí là 2.000.000đ(Hai triệu đồng).

Cách tính án phí (từ 6.000.000 đồng đến 400.000.000đ là 5% giá trị tài sản có tranh chấp).

[7] Nguyên đơn chị Vũ Ngọc H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.000.000đ(Một triệu đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007685 ngày 20-3-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh BR-VT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, Điều 26, Điều 35, Điều 92, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 463,điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14.

Tuyên xử:

- Buộc chị Trần Thị T phải trả chị Vũ Ngọc H và anh Vũ Trọng C số nợ là 40.000.000đ(Bốn mươi triệu đồng).

- Đình chỉ đối với yêu cầu buộc anh Vũ Minh K phải trả số nợ.

- Án phí DSST: Chị Trần Thị Hậu phải chịu là 2.000.000đ(Hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

-Nguyên đơn chị Vũ Ngọc H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.000.000đ(Một triệu đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007685 ngày 20-3-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Tòa án ND tỉnh BR-VT*
- *Viện kiểm sát ND Tp-VT*
- *Các đương sự;*
- *Thi hành án dân sự Tp- VT*
- *Lưu hồ sơ.*